

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2020

V/v: Xin ly hôn D – V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 344/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Đặng Thị V**, sinh năm 1997; ĐKKH: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh D và chị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 27/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh cháu Lê Nhật M thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt, khác biệt quá lớn về cách sống, không cùng suy nghĩ với nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ngày 05/10/2019 chị V đã để con nhỏ ở nhà cho bà ngoại chăm sóc và đi theo người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V có sinh cháu Lê Nhật M, sinh ngày 18/9/2018. Khi anh làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, chị V mới giao cho anh một kết quả giám định ADN thì anh mới biết cháu Lê Nhật M không phải con chung của anh và chị V. Anh đã làm thủ tục đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an và biết cháu Lê Nhật M và anh không có quan hệ huyết thống cha con. Nay ly hôn, anh D đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Nhật M không phải là con chung của anh và chị V trong thời kỳ hôn nhân, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng của anh với cháu Lê Nhật M, về chi phí trưng cầu giám định anh D tự nguyện nộp và không yêu cầu chị V phải chịu chi phí giám định ADN.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Vì lý do công việc nên anh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai 24/02/2020 và các đơn trình bày, bị đơn - chị Đặng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, không ở được với nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị V cùng con trai đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã P, huyện T sinh sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, chị cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị có sinh cháu Lê Nhật M, sinh ngày 18/9/2018 nhưng đây không phải là con chung của chị và anh D. Chị đã giao nộp cho Tòa án kết quả giám định ADN, chị cũng đã được thông báo kết quả giám định do anh D đề nghị trưng cầu tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an, chị đồng ý với kết quả giám định và không đề nghị giám định lại. Chị đề nghị giao cháu Lê Nhật M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do cháu M không phải là con chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do chị mới đi làm, chị đã nhận được các văn bản của Tòa án tổng đạt nhưng chị không thể đến Tòa án làm việc, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được vắng mặt các buổi làm việc tại Tòa án và các phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình thay chị giao, nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và nộp các chi phí phát sinh (nếu có).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Đặng Thị V; Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81, 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định anh D và chị V không có con chung, giao cháu Lê Nhật M cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị V không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay chị V đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã P, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn D và chị Đặng Thị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh D xin được ly hôn chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh D và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2017 ngày 27/12/2017. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong đời sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt, khác biệt quá lớn về cách sống, không cùng suy nghĩ với nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng anh D chị V đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, chị V đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã P, huyện T sinh sống, từ đó đến nay hai bên không hỏi han đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, chị V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn chị cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị V đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh D được ly hôn V là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con trong thời kỳ hôn nhân: Cháu Nhật M, sinh ngày 18/9/2018 được chị V sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, cả anh D và chị V đều xác định cháu M không phải là con chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình tham gia tố tụng, chị V có

xuất trình phiếu kết quả xét nghiệm ADN tại Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam của anh D với cháu Lê Nhật M không có huyết thống cha con. Anh Lê Văn D cũng có đơn đề nghị trung cầu giám định lại tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tại bản kết luận giám định số 97/C09-TT3 ngày 30/3/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Anh Lê Văn D và cháu Lê Nhật M không có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ”. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Cháu Lê Nhật M, sinh ngày 18/9/2018 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh D và chị V không phải là con chung của anh D và chị V. Căn cứ vào các Điều 81, 88 Luật Hôn nhân và gia đình xác định anh D và chị V không có con chung trong thời kỳ hôn nhân, giao cháu Lê Nhật M cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh D và chị V có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch của cháu Lê Nhật M, sinh ngày 18/9/2018.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị V đều xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trung cầu giám định 10.950.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), và không yêu cầu chị V phải chịu chi phí giám định. Xét đề nghị của anh D là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh D và chị V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Đặng Thị V.

2. Về con trong thời kỳ hôn nhân: Anh D và chị V không có con chung trong thời kỳ hôn nhân, giao cháu Lê Nhật M cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật M.

Anh D và chị V có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch của cháu Lê Nhật M, sinh ngày 18/9/2018.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trung cầu giám định 10.950.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), anh Lê Văn D đã thực hiện xong.

5. Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ

thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002067 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ nộp tiền của anh D đã xong.

6. Về quyền kháng cáo: Anh D và chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã S;
- Lưu HCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh